

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 57/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 30-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê văn Thường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa
Bà Võ Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Quyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 248/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Đ; cư trú tại: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn S; cư trú tại: Thôn T, xã M, huyện P., tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã M (UBND); địa chỉ: Xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của UBND xã M: Ông Lê Văn C, Chủ tịch UBND xã M là đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Anh Phan Văn S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2017, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Lê Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đ và Anh S tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã M, huyện P, tỉnh Bình Định ngày 01/02/2000. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2006 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Anh S viết đơn xin ly hôn nhưng chị không đồng ý. Đến tháng 7 năm 2017 mâu thuẫn xảy ra trầm trọng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do Anh S không lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, tính tình độc đoán, thường xuyên uống rượu rồi về nhà chửi bới, đánh đập, dọa chém giết vợ con. Anh S nhiều lần đánh Chị Đ bị thương tích phải điều trị tại Trung tâm y tế huyện Phù Mỹ. Nay Chị Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh S.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phan Lê Xuân Q, sinh ngày 28/10/2000. Hiện nay cháu đang ở với Chị Đ. Ly hôn, Chị Đ yêu cầu Tòa án giao cháu Quân cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng có hai thửa đất: Thửa đất số 714, tờ bản đồ số 4, diện tích 200m² tọa lạc tại thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; thửa đất số 2172, tờ bản đồ số 9, diện tích 159m² tọa lạc thôn A, Xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và 01 ngôi nhà xây dựng trên thửa đất. Khi xây dựng có lấn sang phía Bắc thửa đất có chiều ngang theo mặt đường V, P là 0,4m, chiều dài hết thửa đất, diện tích 10,6m², phần đất này do UBND xã M quản lý. Ngoài ra, còn có các tài sản: 01 chiếc xe mô tô biển số 77X4 - 5252; 01 chiếc xe mô tô 77S9 - 7730; 01 tủ lạnh hiệu Toshiba; 01 ti vi hiệu JVC 21 in; 01 giàn máy vi tính; 01 tủ thờ bằng gỗ; 01 máy cửa gỗ hiệu STIHLMS381; 01 bộ bàn ghế gỗ (gồm 01 cái bàn và 08 cái ghế). Ly hôn Chị Đ yêu cầu được sở hữu và sử dụng các tài sản gồm: Nhà đất thuộc thửa số 2172, tờ bản đồ số 9, diện tích 159m² và các tài sản trong gia đình gồm 01 chiếc xe mô tô biển số 77X4 - 5252; 01 tủ lạnh hiệu Toshiba; 01 ti vi hiệu JVC 21 in; 01 giàn máy vi tính; 01 tủ thờ bằng gỗ; 01 bộ bàn ghế gỗ (gồm 01 bàn và 08 ghế). Các tài sản còn lại giao cho Anh S. Ai sở hữu tài sản có giá trị cao hơn thì thôi lại giá trị cho người sở hữu tài sản có giá trị thấp hơn.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị.

Tại bản tự khai ngày 22/11/2017, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Anh Phan Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của Chị Đ về quan hệ hôn nhân, còn

nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu qua điểm sống, Chị Đ thường hay so sánh anh với những người đàn ông khác. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng mà không thể nào hàn gắn lại được. Nay Chị Đ yêu cầu ly hôn, Anh S đồng ý.

Về con chung: Anh Thống nhất như lời trình bày của Chị Đ.

Về tài sản: Anh thống nhất tài sản chung của vợ chồng như lời trình bày của Chị Đ, nhưng anh yêu cầu được sở hữu nhà đất thuộc thửa số 2172, tờ bản đồ số 9, diện tích 159m² tọa lạc thôn A, Xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và các tài sản trong gia đình gồm 01 chiếc xe mô tô biển số 77S9 - 7730; 01 tủ lạnh hiệu Toshiba; 01 ti vi hiệu JVC 21 in; 01 giàn máy vi tính; 01 tủ thờ bằng gỗ; 01 máy cửa gỗ hiệu STIHLMS381; 01 bộ bàn ghế gỗ (01 cái bàn và 08 cái ghế). Tài sản còn lại giao cho Chị Đ. Ai sở hữu tài sản có giá trị cao hơn thì thôi lại giá trị cho người sở hữu tài sản có giá trị thấp hơn.

Vợ chồng không nợ chung ai, không ai nợ vợ chồng.

Bản án hôn nhân sơ thẩm số 75/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P quyết định:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị Đ và Anh Phan Văn S.

Về con chung: Giao cháu Phan Lê Xuân Q, sinh ngày 28/10/2000 cho Chị Lê Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đ không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản:

Giao cho Chị Lê Thị Đ được quyền sở hữu và sử dụng: Thửa đất số 2172, tờ bản đồ số 9, diện tích được cấp quyền là 159m² tọa lạc thôn A, Xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, trị giá 70.000.000 đồng và 01 ngôi nhà cùng công trình phụ xây trên thửa đất 266.170.854 đồng; xe mô tô biển số 77X4- 5252, trị giá 4.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Toshiba, trị giá 1.000.000 đồng; 01 ti vi hiệu JVC 21 in, trị giá 500.000 đồng; 01 tủ thờ bằng gỗ (vợ chồng Chị Đ thống nhất không định giá); 01 bộ bàn ghế gỗ (01 cái bàn và 08 ghế), trị giá 6.000.000 đồng. Tạm giao cho Chị Đ sử dụng phần đất lấn chiếm do UBND xã M quản lý có diện tích 10,6m², hiện Chị Đ đã xây dựng nhà nằm ở phía Bắc thửa số 2172, tờ bản đồ số 9, có chiều ngang theo mặt đường V, P0,4m, chiều dài hết thửa đất 2172.

Giao cho Anh Phan Văn S được sở hữu và sử dụng: Thửa đất số 714, tờ bản đồ số 4, diện tích 200m² tọa lạc tại thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, trị giá 140.000.000 đồng; xe mô tô biển số 77S9 – 7730, trị giá 1.500.000 đồng; máy cửa gỗ hiệu STIHLMS381, trị giá 7.500.000 đồng.

Chị Lê Thị Đ phải thanh toán cho Anh Phan Văn S 99.335.422 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 18/5/2018, Anh Phan Văn S kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu cho anh được nhận hiện vật nhà và đất ở thôn A, Xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng và đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của Anh S, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh S kháng cáo yêu cầu được nhận nhà, đất thửa số 2172, tờ bản đồ số 9, diện tích được cấp quyền là 159m², tọa lạc thôn A, Xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, còn Chị Đ chấp nhận và yêu cầu được nhận thửa đất số 714, tờ bản đồ số 4, diện tích 200m², tọa lạc tại thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Anh S sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[2] Phân chia tài chung của vợ chồng cụ thể như sau:

[2.1] Chị Lê Thị Đ được quyền sử dụng và sở hữu: Thửa đất số 714, tờ bản đồ số 4, diện tích 200m² tọa lạc tại thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; xe mô tô biển số 77X4- 5252; 01 tủ lạnh hiệu Toshiba; 01 ti vi hiệu JVC 21 in. 01 tủ thờ bằng gỗ; 01 bộ bàn ghế gỗ (01 bàn và 08 ghế). Theo biên bản định giá ngày 25/9/2018 và ngày 28/11/2018 thì tổng giá trị Chị Đ được nhận 193.500.000 đồng.

[2.2] Anh Phan Văn S được quyền sử dụng và sở hữu: Thửa đất số 2172, tờ bản đồ số 9, diện tích được cấp quyền là 159m², tọa lạc thôn A, Xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và nhà cùng công trình phụ xây trên thửa đất; xe mô tô biển số 77S9 – 7730; máy cưa gỗ hiệu STIHLMS381. Theo biên bản định giá ngày 25/9/2018 và ngày 28/11/2018 thì tổng giá trị Anh S được nhận 532.238.024 đồng. Tạm giao cho Anh S sử dụng phần đất lấn chiếm do UBND xã M quản lý có diện tích 10,6m², hiện đã xây dựng nhà ở phía Bắc thửa số 2172, tờ bản đồ số 9, có chiều ngang theo mặt đường V, P 0,4m chiều dài hết thửa đất 2172.

[2.3] Như vậy, Anh S phải thanh toán chênh lệch tài sản được nhận cho Chị Đ 169.369.000 đồng. Do đó, chấp nhận kháng cáo của Anh S, sửa bản sơ thẩm về phần này.

[3] Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì Anh S, Chị Đ mỗi người phải chịu 18.143.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

[4] Do kháng cáo của Anh S được chấp nhận, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì Anh S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Tòa đã chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá 12.000.000 đồng theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì Anh S, Chị Đ mỗi người chịu 6.000.000 đồng, Anh S đã nộp tạm ứng 9.000.000 đồng, Chị Đ đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng nên Chị Đ hoàn lại cho Anh S 3.000.000 đồng.

[6] Theo quy định tại khoản 2 Điều 282, 293 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì phần quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm về ly hôn, con chung, án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của Anh S sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của Anh Phan Văn S sửa bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ chia tài sản chung:

1.1. Chị Lê Thị Đ được quyền sử dụng và sở hữu:

- Thửa đất số 714, tờ bản đồ số 4, diện tích 200m², tọa lạc tại thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

- Xe mô tô biển số 77X4- 5252.

- 01 tủ lạnh hiệu Toshiba.

- 01 ti vi hiệu JVC 21 in.

- 01 tủ thờ bằng gỗ.

- 01 bộ bàn ghế gỗ (01 bàn và 08 ghế).

1.2. Anh Phan Văn S được quyền sử dụng và sở hữu:

- Thửa đất số 2172, tờ bản đồ số 9, diện tích được cấp quyền 159m², tọa lạc thôn A, Xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

- Xe mô tô biển số 77S9 – 7730.
- Máy cưa gỗ hiệu STIHLMS381.
- Tạm giao cho Chị Đ sử dụng phần đất lấn chiếm do UBND xã Mquản lý có diện tích 10,6m², hiện đã xây dựng nhà ở phía Bắc thửa số 2172, tờ bản đồ số 9, có chiều ngang theo mặt đường V, P0,4m, chiều dài hết thửa đất 2172.

1.3. Anh Phan Văn S phải thanh toán cho Chị Lê Thị Đ 169.369.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

2. Các quyết định của Bản án sơ thẩm về ly hôn, con chung, án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

3.1. Anh Phan Văn S, Chị Lê Thị Đ mỗi người phải chịu 18.143.000 đồng (Mười tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Chị Đ được khấu trừ 4.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 03261 ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, Chị Đ còn phải nộp 13.893.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng).

3.2. Anh Phan Văn S được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000453 ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, Anh S đã nộp xong.

3.3. Chị Lê Thị Đ phải thanh toán cho Anh Phan Văn S 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các bên đương sự;
- Lưu: HS, Tòa dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Thường